TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2019/DS-PT
Ngày: 24-12-2019
Về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Lễ.

Các thẩm phán:

1. Ông Đào Chí Keo

2. Bà Trần Thị Thúy Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 209/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2019 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2019/DS-ST, ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện CM bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 205/2019/QĐPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*

1.1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1940 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp TT2, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang

1.2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1945 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp TA, xã TH, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị L: Bà Phan Thị Minh H, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp TT2, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang. Văn bản ủy quyền ngày 28/11/2017(có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị I, sinh năm 1953. Địa chỉ: Ấp TT2, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang.(có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị I, bà Nguyễn Thị Mộng H1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp TT2, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang. Văn bản ủy quyền ngày 25/11/2016 và bà Lê Thị C, sinh năm 1962 . Địa chỉ: Ấp TT2, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang. Văn bản ủy quyền ngày 19/12/2019. (có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy Ban nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang. Địa chỉ: Ấp TT, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt).

3.2. Chị Nguyễn Thị Mộng H1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp TT2, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang.

3.3. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp TT2, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang.

3.4. Anh Nguyễn Thành Kh, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp TT2, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang.

3.5. Chị Phan Thị L, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp TT2, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang.

3.6. Chị Phan Thị Bé Ng, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp TT2, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang.

3.7. Anh Phan Thành N, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp TT2, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang.

3.8. Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp TC, xã PC, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp.

3.9. Anh Phan Thanh T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp TC, xã PC, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp.

3.10. Anh Phan Thanh T1, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp TC, xã PC, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp.

3.11. Chị Phan Thị Cẩm Ph, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp TC, xã PC, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp.

3.12. Anh Phan Thành T2, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp TC, xã PC, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp.

3.13. Anh Phan Thanh T3, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp TC, xã PC, huyện TN, tỉnh Đồng Tháp.

(Tất cả người liên quan đều có đơn xin vắng mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị Minh H đại diện cho bà M và bà L trình bày:

Nguồn gốc đất đang tranh chấp 121,7m^2 là của ông Nguyễn Văn Ngh (chết năm 2003, cha của bà M) cho bà M. Năm 1976 ông Ngh cho bà Bùi Thị Gi (mẹ bà I) cất nhà ở cho đến nay, trong thời gian bà Gi sử dụng đất bà M nộp thuế. Khi sử dụng bà I nới rộng diện tích thì phát sinh tranh chấp. Ngày 30.3.2007 tại Ban ấp bà Gi thống nhất căn nhà lớn ở đến hết đời bà Gi, phần trước sân trong thời hạn 5 năm phải trả lại. Năm 2012 bà Ích thay đổi hiện trạng nhà ngày 20.10.2012 bà M khởi kiện đến UBND thị trấn CM, tại đây bà I đồng ý giao cho bà M 20.000.000đ nhưng bà M không đồng ý. Năm 2014 bà I kê khai xin cấp quyền sử dụng đất và được UBND huyện CM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01112 ngày 14/5/2014 diện tích 121,7 m^2 , tờ bản đồ số 28, thửa số 4, bà M yêu cầu hủy giấy chứng nhận trên và buộc bà I phải trả giá trị đất cho bà.

Chị Nguyễn Thị Mộng H1 đại diện cho bị đơn bà Nguyễn Thị I trình bày:

Năm 1955, ông ngoại là Nguyễn Trí Phong và bà ngoại là Bùi Thị Giời có đến xin phần đất của ông Nguyễn Văn Thiệt cất nhà ở cho đến nay. Năm 2007 bà sửa lại mái hiên để mua bán thì gia đình bà M ngăn cản, nên xảy ra tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân thị trấn CM hòa giải bà đồng ý có ký tên vào biên bản hòa giải giao giá trị lại cho bà M 20.000.000đ, nhưng khi về đến nhà bà tìm hiểu thì biết nguồn gốc đất không phải của bà M. Năm 2014 bà xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện CM cấp giấy chứng nhận QSD đất số CH01112 ngày 14/5/2014, diện tích 121,7m^2, bà không đồng ý trả giá trị đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện CM trình bày: Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02112, diện tích 121,7m^2 đất ở tại đô thị mà UBND huyện CM cấp cho bà I là cấp đúng đối tượng sử dụng đất và trình tự, thủ tục quy định.

Chị Nguyễn Thị Mộng Huyền trình bày: Chị là con bà I hiện chị đang sống chung với bà I trong căn nhà có phần đất tranh chấp với bà M. Không đồng ý theo yêu cầu của bà M, bà L.

Anh Phan Thành Kh, chị Phan Thị L, Phan Thị Bé Ng, Phan Thành N trình bày: Các anh chị là con của ông Phan Thanh S và bà Nguyễn Thị Th và là cháu nội của bà Nguyễn Thị Kh1. Liên quan đến việc tranh chấp đất giữa bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị L tranh chấp với bà Nguyễn Thị I các anh chị không có yêu cầu gì và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Anh Phan Thành T, Phan Thanh T1, Phan Thị Cẩm Ph, Phan Thanh T2, Phan Thanh T3 trình bày: Các anh chị là con của ông Phan Ngọc N và bà Phạm Thị Đ và là cháu nội của bà Nguyễn Thị Kh1. Liên quan đến việc tranh chấp đất giữa bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị L tranh chấp với bà Nguyễn Thị I các anh chị không có yêu cầu gì và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST, ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện CM quyết định:

Áp dụng: Điều 26; Điều 166; Điều 203 Luật đất đai; Điều 128; Điều 131; Điều 202; Điều 218; Điều 245 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Nguyễn Thị I trả giá trị diện tích đất 121,7m^2 tọa lạc tại ấp TT2, thị trấn CM, huyện CM với số tiền 97.360.000đ.

Đình chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02112 ngày 14/05/2014 diện tích 121,7m^2 do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp cho bà Nguyễn Thị I của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị L.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo bản án và thời hiệu để yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16 tháng 7 năm 2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST, ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, không rút yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ các chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Trên cơ sở các chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết Tòa cấp sơ thẩm đã nhận định và đưa ra phán quyết là không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đúng pháp luật, Phía nguyên đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm dân sự số 31/2019/DS-ST, ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện CM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các dương sự, ý kiến của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đúng trình tự thủ tục, nguyên đơn kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét chấp nhận.

[2] Trên cơ sở các chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án thì nội dung vụ việc được xác định như sau: Nguồn gốc đất tranh chấp 121,7m^2, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị I trả lại giá trị có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn Th1, ông Th1 không còn hàng thừa kế, mà ông nội của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H2 (anh ruột ông Th1) được hưởng phần thừa kế của ông Th1, cha bà M ông Nguyễn Văn Ngh cháu ruột của ông Th1 kêu bằng chú, quản lý phần đất trên. Năm 1976, ông Ngh cho bà Giời là mẹ của bà I ở nhờ phần đất diện tích 120m^2 quá trình sử dụng, gia đình bà Giời có nới rộng thêm diện tích sử dụng nên xảy ra tranh chấp, Ủy ban nhân dân thị trấn CM hòa giải bà I biết mối quan hệ huyết thống giữa các nguyên đơn với ông Th1 và thừa nhận mẹ của bị đơn có hỏi ông Th1 ở nhờ, đồng ý trả 20.000.000đ, nhưng phía bà M yêu cầu trả 75.000.000đ. Vụ việc đang tranh chấp, ngày 14/ 5/2014 Ủy ban nhân dân huyện CM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà I nên từ đó bị đơn cho rằng đất của ông Th1 các nguyên đơn tranh chấp là không chứng minh được hàng thừa kế của ông Th1 nên không đồng ý trả giá trị. Nguyên đơn tại cấp sơ thẩm rút lại một phần yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chỉ yêu cầu trả giá trị diện tích 121,7m^2 theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

Từ những phân tích trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nhưng cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu câu khởi kiện của nguyên đơn là làm thiệt hại đến quyền lợi của đương sự. Nên kháng cáo của bà M, bà L được xem xét.

[3] Nhận định của Tòa cấp phúc thẩm:

Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án . Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp. Nhưng khi xem xét về phần nội dung và chứng cứ. Tại biên bản hòa giải ngày 20/12/2012 tại Ủy ban nhân dân thị Trấn CM bà I cũng xác nhận là sau giải phóng bà M là người quản lý và sử dụng phần đất của ông Th1, nên việc kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ, nhưng hiện trạng khi bà Giời hỏi để ở nhờ, phía bà M, bà L, bà I cũng đều thừa nhận là đất ruộng, trũng, hiện nay đã được phía bà I ở và tôn tạo thành loại đất ở khu vực thị trấn có giá là 97.360.000đ, là cao và chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận giá 20.000.000 đồng như bà I đã đồng ý trả giá trị trước đây. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn sửa bản án sơ thẩm. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị I trả lại giá trị 121,7m^2 đất, số tiền 20.000.000đ có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn Th1 cho các hàng thừa kế của ông Th1 do bà M, bà L đại diện nhận.

[4] Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn, Tòa sơ thẩm đã đình chỉ do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu, các đương sự cũng không có kháng cáo nội dung nầy nên đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên bà M, bà L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị L. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2019/DS-ST, ngày 04/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện CM;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Nguyễn Thị I trả giá trị diện tích đất 121,7m^2 tọa lạc tại ấp TT2, thị trấn CM, huyện CM , tỉnh An Giang.

2. Buộc bà Nguyễn Thị I trả giá trị diện tích đất 121,7m^2 tọa lạc tại ấp TT2, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh An Giang cho bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị L số tiền là 20.000.000đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02112 ngày 14/05/2014 diện tích 121,7m^2 do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp cho bà Nguyễn Thị I của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị L.

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, định giá là 1.352.225đồng bà Nguyễn Thị I phải chịu. Do bà Nguyễn Thị M đã tạm ứng trước nên bà Nguyễn Thị I có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà M 1.352.225đồng.

5. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm , thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị I.

Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 505.000đồng theo biên lai số 0003574 ngày 17/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 400.000đồng theo biên lai số 0004855 ngày 05/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM.

6. Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND – An Giang;
- TAND – huyện CM;
- THA – huyện CM;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân Sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Lễ